

ẨN DỤ Ý NIỆM "TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH" TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

PGS.TS PHAN VĂN HOÀ

HVCH HỒ TRỊNH QUỲNH THU

(Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

1. Đặt vấn đề

Ẩn dụ ý niệm tỏa khắp đời sống hằng ngày, không chỉ trong ngôn ngữ mà cả trong tư tưởng và hành động. Xét về cách chúng ta suy nghĩ và hành động, hệ thống ý niệm thông thường của chúng ta về bản chất mang tính ẩn dụ.¹ Vì vậy, để mô tả các ý niệm phức tạp, đặc biệt là các ý niệm trừu tượng như thời gian, mục đích, tình yêu,... người ta sử dụng các biểu ngữ ẩn dụ thông qua các chủ đề mang tính ẩn dụ. Hãy xét một ví dụ của Lakoff về cách diễn đạt tình yêu: "Our relationship has hit a dead-end street" [5] (Mối quan hệ của chúng ta đã đi vào ngõ cụt). Ở đây tình yêu được ý niệm như một cuộc hành trình, với ngụ ý rằng mối quan hệ đã bế tắc, những người yêu nhau không thể tiếp tục đi theo con đường họ đã đi. Đây không phải là trường hợp cá biệt. Trong tiếng Anh và tiếng Việt, người ta tìm thấy rất nhiều biểu thức hàng ngày dựa trên ý niệm ẩn dụ "tình yêu là cuộc hành trình", ví như: *It's been a long, pumpy road* (Đó là một con đường dài, gập ghềnh), *We can't turn back now* (Bây giờ chúng ta không thể quay trở lại), *We may have to go our separate ways* (Có lẽ chúng ta phải đường ai nấy đi thôi)... Từ thực tế này, chúng tôi

mong muốn khảo sát cách thể hiện tình yêu thông qua ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong tiếng Anh và tiếng Việt, đồng thời cũng tìm hiểu sự giống và khác nhau trong các cách thể hiện đó giữa hai ngôn ngữ.

2. Sơ lược vấn đề nghiên cứu

Ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH là một trong những ẩn dụ phổ quát đã được các nhà ngôn ngữ học tri nhận đề cập đến trong các nghiên cứu của mình. Tiêu biểu trong số đó là George Lakoff và Mark Johnson (1980) với tác phẩm *Metaphor We Live By* (Ẩn dụ chúng ta đang sống²). Sau này còn có George Lakoff (1992), Kövecses (1986, 1988, 1990, 2000) và một số tác giả người Việt như Phan Thế Hưng (2007), Nguyễn Lai (2009), Nguyễn Thị Hà (2010). Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tiếp tục đi sâu tìm hiểu tình yêu được ý niệm hóa như cuộc hành trình như thế nào trong cả tiếng Anh và tiếng Việt.

3. Giải quyết vấn đề

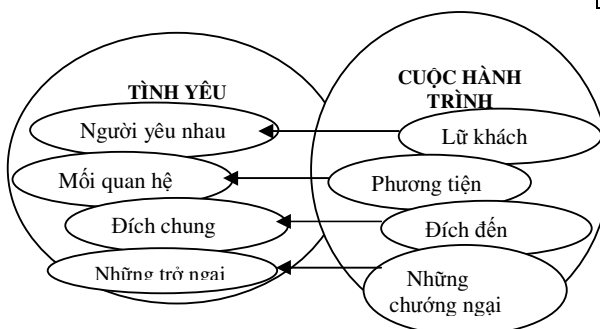
3.1. Cơ sở lý luận

Theo Lakoff và Johnson (1980), bản chất của ẩn dụ là sự ý niệm hóa và hiểu những hiện tượng loại này thông qua các hiện tượng loại khác. Từ đó có thể thấy rằng, ẩn dụ ý niệm tiền giả định sự tồn tại hai miền NGUỒN và ĐÍCH, trong đó, miền NGUỒN

¹ *Metaphor is pervasive in everyday life, not just in language but in thought and action. Our ordinary conceptual system, in terms of which we both think and act, is fundamentally metaphorical in nature. (Lakoff and Johnson 1980).*

² Tên tác phẩm được PGS.TS. Trần Văn Cơ (2009) dịch.

có chức năng cung cấp tri thức mới và chuyển (gán) tri thức đó cho miền ĐÍCH thông qua các ánh xạ³ (mapping). Chẳng hạn, ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH cho phép chúng ta hiểu rằng ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH với các nét đặc trưng như *con đường (dài, gập ghềnh), quãng đường (gần, xa), ngã rẽ (ngã ba, ngã tư), các phương tiện đi lại (tàu, thuyền, xe cộ,...), đích đến,...*, được đem gán cho ý niệm đích TÌNH YÊU. Do đó, TÌNH YÊU lúc này cũng có những nét đặc trưng đó. Sau đây là sơ đồ ánh xạ ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH (phỏng theo Lakoff, 1993):



Hình 1: Sơ đồ ánh xạ ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH

Cũng theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ ý niệm mang tính phổ quát. Tuy nhiên, nó cũng phải phù hợp với ý thức ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa của người bản ngữ, như Lakoff và Turner (1989) nói: *ẩn dụ xuất hiện trong ngôn ngữ hằng ngày, trong tất cả các ngôn ngữ và trong một phạm vi nào đó, nó mang nét đặc trưng văn hóa riêng*⁴.

3.2. Ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong tiếng Anh và tiếng Việt

³ Ánh xạ là một tập hợp các tương thích tồn tại giữa các yếu tố cấu thành ý niệm nguồn và ý niệm đích [16].

⁴ *Metaphors occur in everyday language, in all languages, and contain cultural particularities to some extent* [7].

PHẠM TRÙ Ý NIỆM	TÌNH YÊU	CUỘC HÀNH TRÌNH
SỰ TƯƠNG ĐỒNG	Những người yêu nhau	Lữ khách
	Cuộc sống cùng nhau	Đích đến
	Phương tiện/ cách thức để đến đích	Lộ trình
	Những khó khăn/ trở ngại trong mối quan hệ	Những trở ngại trên đường đi
	Người cố vấn	Người dẫn đường
	Sự tiến triển trong mối quan hệ	Quãng đường đã đi
	Sự chọn lựa	Ngã tư đường

Bảng 1: Ánh xạ ý niệm giữa tình yêu và cuộc hành trình

Bằng những trải nghiệm của mình, con người đã thấy nhiều nét tương đồng giữa tình yêu và cuộc hành trình (bảng 1). Từ đó, họ đã đưa các thuộc tính của cuộc hành trình vào để diễn đạt tình yêu.

Cuộc hành trình nào cũng có điểm xuất phát và đích đến. Tình yêu, trong ý niệm cuộc hành trình, cũng vậy; điểm khởi hành là lúc hai người bắt đầu yêu nhau, và tất nhiên, đích đến là nơi hai người yêu nhau được ở bên nhau. Hãy xem những ví dụ sau:

(1) Now we **are back** (*Bây giờ chúng ta*
where we started (*trở lại nơi chúng ta*
khởi hành)

(Brownskin, *Eight years ago*)

(2) May be it was **jet** (*Có thể là một môi*
lag,... *...*

... I've **gone back to my** (*... Anh đã trở về*
spot (*đúng vị trí của anh*
bên em, nơi chúng ta đã sống).

(Marilyn Hacker, *Coda*)

(3) Anh có **đi cùng em**
Đến những miền đất lạ
Đến những mùa hái quả
Đến những bờ yêu (Xuân Quỳnh, *Mùa*
thương (?) (*hoa dơi*)

Tuy nhiên, không phải cuộc hành trình nào cũng suôn sẻ, người lữ khách nào cũng có thể đến đích an toàn mà không có trở ngại nào trên đường đi:

(4) I *trod a path far from him*, (Tôi đã rời xa anh ấy,
and *my footsteps went astray*. và bước chân tôi lạc hướng)

(Dream of Olwin, My Beloved)

(5) You're *faced with a fork in the road*, (Em gặp ngã ba đường
Wallow in the darkness. Gặp lúc trời đang tối)

(Bliss, I'm sick of building castles in the sky)

(6) Tôi còn đi. *Mưa gió. Đường dài*

Trái tim phải *lội qua bao thác lũ*

(Nguyễn Trọng Tạo, *Nếu ngày mai*)

(7) Đôi ta *lên thác, xuống ghềnh*

Em ra *đứng mũi* cho anh *chịu sào*

(Ca dao)

Rõ ràng là cuộc hành trình của tình yêu không hề dễ dàng. Để có được điểm đích cuối cùng, được sống bên nhau, những lữ khách trong chuyến hành trình này phải trải qua rất nhiều gian nan, vất vả, vượt qua bao trắc trở, thử thách; và chính người yêu, người bạn đồng hành trong cuộc hành trình cùng gánh vác, chia sẻ khó khăn với nhau.

Song không phải đích đến nào cũng đẹp, không phải ai khởi hành cũng đến đích. Vẫn có những chuyến đi không thành công; vẫn có những lữ khách dở dang trong chuyến hành trình của mình, họ không tìm được điểm đến như đã định,...

(8) Is it time to *go our separate ways*? (Đã đến lúc chúng ta đường ai nấy đi rồi sao?)

You know I need your love so bad. Em biết anh cần tình yêu của em (Gary Moore, *Separate ways*)

(9) Hai ta chẳng hiểu vì đâu

Hai con đường rẽ xa nhau xa hoài

(Phan Thị Thanh Nhàn, *Con đường*)

3.3. Sự giống và khác nhau về cách diễn đạt ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH** giữa tiếng Anh và tiếng Việt

Như đã nói ở trên, ẩn dụ **TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH** đều được sử dụng trong cả tiếng Anh và tiếng Việt. Cách sử dụng ẩn dụ này cũng có rất nhiều điểm tương đồng ở cả hai ngôn ngữ:

Anh	Việt
Start/ begin	Vào
Be lost/ get lost/go astray	Lạc lối/ chệch hướng
Direction	Ngã đường
Way/ path/road	Con đường/ lối đi
End/ stop	Dừng/ kết thúc

Bảng 2: Những tương đồng của ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong tiếng Anh và tiếng Việt

Bên cạnh những tương đồng đó, vẫn còn rất nhiều điểm khác biệt trong cách diễn đạt tình yêu là cuộc hành trình trong hai ngôn ngữ. Một trong những khác biệt có thể kể đến là cách mô tả những khó khăn, trở ngại trên đường tình.

Nếu như trong tiếng Anh, những khó khăn chỉ là các ngã ba (xem ví dụ 5), ngã tư đường (*We're at a crossroad*), thì trong tiếng Việt, đó là sự ngăn sông cách núi:

(10) *Yêu nhau mấy núi cũng trèo*

Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua

(Ca dao)

Không chỉ có thế, để đến được cái đích mong chờ, những người yêu nhau còn phải đối mặt với nhiều gian nan thử thách khác như *thác, ghềnh, mưa, gió, lũ lụt*,... (ví dụ 6,7), điều này hầu như không được diễn đạt trong tiếng Anh.

Những trở ngại trong tình yêu theo quan niệm của người Việt không chỉ do các yếu tố tự nhiên gây ra mà còn do chính con người gây ra, đó là chiến tranh, điều này chúng tôi cũng không tìm thấy trong tiếng Anh. Ví dụ:

(11) Như yển nhận vuốt trời xanh,

Tình đôi ta vượt tuyến.

(Lưu Trọng Lư, *Tâm sự đôi bờ*)

Có thể nói rằng, sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ có thể bắt nguồn từ các nền văn hóa khác nhau, môi trường và điều kiện sống khác nhau. Tuy nhiên, trong phạm vi khảo sát giới hạn, chúng tôi chưa thể có những nhận định và lí giải rõ hơn cho sự giống nhau và khác biệt này.

Bảng 3 sau đây tóm tắt những tương đồng và khác biệt về những khó khăn, trở ngại mà hai người yêu nhau phải vượt qua trên con đường đi đến hạnh phúc của mình trong tiếng Anh và tiếng Việt:

Những trở ngại	E.	V.
Ngã ba đường	+	-
Ngã tư đường	+	-
Không biết đi ngã nào	+	+
Lạc lối	+	+
Đường đi cách trở (sông, núi, thác ghềnh,...)	-	+
Thiên tai (bão táp)	-	+
Những yếu tố do con người gây nên (chiến tranh...)	-	+

Bảng 3. Những giống nhau và khác nhau trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong tiếng Anh và trong tiếng Việt

Trong ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, tương lai mà hai người yêu nhau hướng đến chính là cái đích trong cuộc hành trình. Cái đích này cũng rất khác nhau trong tiếng Anh và tiếng Việt.

Trong tiếng Anh, đích đến đơn giản chỉ là bên cạnh người mình yêu (xem ví dụ 2). Tuy nhiên, trong tiếng Việt, cái đích của cuộc hành trình không chỉ là bên cạnh người mình yêu, mà còn là nơi xa lạ hơn, đẹp đẽ hơn và

đáng yêu hơn. Đó chính là *miền đất lạ, mùa hái quả*, hay *bờ yêu thương* (xem ví dụ 3).

4. Kết luận

Khái niệm *cuộc hành trình* là một trong nhiều khái niệm được dùng để nói về *tình yêu*. Trong ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, tình yêu được mô tả, được trình bày và được hiểu thông qua cuộc hành trình. Tình yêu ở đây cũng có điểm khởi hành và điểm đích. Trên con đường tình, cũng có những khó khăn trở ngại. Có những cặp tình nhân vượt qua những gian nan thử thách đó để đến được với nhau. Cũng có những cặp không tìm được đường đi chung, không cùng đi được đến đích cuộc hành trình của họ phải dừng lại giữa chừng.

Cho dù ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH tồn tại ở cả hai ngôn ngữ có một số điểm giống nhau và có rất nhiều điểm khác nhau trong cách thể hiện giữa tiếng Anh và tiếng Việt như công trình nghiên cứu đã cung cấp, nhưng chúng ta chưa thể lí giải đầy đủ về những hiện tượng này. Để lí giải một cách khoa học cho những điểm giống nhau và khác nhau này, chắc chắn cần có nhiều công trình nghiên cứu hơn nữa. Ngoài thi ca, diện khảo sát cần trải rộng đến nhiều thể loại văn bản, văn phong khác và cả cách nói năng hằng ngày nữa.

Tài liệu tham khảo

1. Kövecses, Zoltán (1986), *Metaphors of anger, pride and love: A lexical approach to the structure of concept*, Amsterdam: John Benjamins.
2. Kövecses, Zoltán (1988), *The language of love: The semantic of passion in conversational English*, Lewishburg: Bucknell University Press.
3. Kövecses, Zoltán (1990), *Emotion concepts*, New York - Berlin: Springer-Verlag.

4. Kövecses, Zoltán (2000), *Metaphor and emotion: Language, culture, and Body in Human Feeling*, Cambridge: Cambridge University Press.

5. Lakoff, George (1993), *The contemporary theory of metaphor*, Second Edition, Cambridge: Cambridge University Press.

6. Lakoff, George and Johnson, Mark (1980), *Metaphors we live by*, The University of Chicago Press, Chicago and London.

7. Lakoff, George and Turner, Mark (1989), *More than cool reason: A field guide to poetic metaphor*, Chicago: University of Chicago Press.

8. Lưu Trọng Tuấn (2009), *Ẩn dụ tình yêu trong thơ ca*, T/c Ngôn ngữ, số 10.

9. Nguyễn Đức Tồn (2007), *Bản chất của ẩn dụ*, T/c Ngôn ngữ, số 10, 11.

10. Nguyễn Lai (2009), *Suy nghĩ về ẩn dụ khái niệm trong thế giới thi ca từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận*, T/c Ngôn ngữ, số 10.

11. Phan Thế Hưng (2007), *Ẩn dụ ý niệm*, T/c Ngôn ngữ, số 7.

12. Nguyễn Văn Long (1987), *Tuyển tập Lưu Trọng Lư*, NXB Văn học, Hà Nội.

13. Nguyễn Thị Hà (2010), *Bước đầu khảo sát ý niệm về tình yêu trong ca dao người Việt*, T/c Ngôn ngữ và đời sống, số 3.

14. Hồ Quốc Nhạc, Thái Hoàng Ly (tuyển chọn) (1997), *Thơ tình Việt Nam hiện đại*, NXB Đồng Nai.

15. Kiều Văn & Nam Tuấn (1997), *Thơ Xuân Quỳnh*, NXB Đồng Nai.

http://en.wikipedia.org/wiki/Conceptual_metaphor#Mappings

<http://e-cadao.com/>

<http://allpoetry.com/poem/>

<http://www.bestlovepoems.com/>

Ban Biên tập nhận bài ngày 10-08-2011)

(NGÔN NGỮ VỚI SÁNG TẠO...

tiếp theo trang 10)

nghệ thuật, chúng ta đã có điều kiện thuận lợi để hiểu thêm, tự lí giải thêm vì sao hệ thống hình tượng được các nhà lí luận, nghiên cứu xác định là phạm trù vừa có tính nội dung, vừa có tính hình thức. Đó cũng chính là một trong các cách lí giải mà tác giả bài viết này quan tâm.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Minh Châu, Nguyễn Thụy Kha (2004), *Huy Du - Đời và nhạc*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.

2. Hoàng Dân, Huy Kỳ, Đường Văn, Đăng Vân, 2002, *Đồng điệu*, Quỹ hỗ trợ sáng tạo Văn học nghệ thuật. Hà Nội.

3. Nguyễn Huy Kỳ (2004), *Ngữ điệu tiếng Anh và các chức năng*, Tạp chí Khoa học số 4, ĐHQG Hà Nội.

4. Nguyễn Huy Kỳ (2006), *Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt (English intonation by the Vietnamese) (sách chuyên luận)*, NXB Văn hóa - Thông tin.

5. Nguyễn Huy Kỳ (2007), *Tìm hiểu một số quan hệ cơ bản giữa ngữ điệu và các phương tiện khác có liên quan*, *Ngôn ngữ & Đời sống* số 1+2, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

6. Nguyễn Lai (1997), *Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương (tập 1)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Nguyễn Lai (1998), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, NXB Giáo dục.

8. Hoàng Trọng Phiến (2000), *Những bài giảng về cấu trúc trong ngôn ngữ và những vấn đề có liên quan*, Khoa Ngôn ngữ học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Saussure F.D., (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-04-2011)